

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-MĐC ngày tháng năm 2018
của Hiệu trưởng trường Đại học Mở - Địa chất)

1. Tên chương trình đào tạo

1.1. Tên tiếng Việt:

Ngành đào tạo: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI

Mã số: 7850103

Chuyên ngành đào tạo: Quản lý đất đai

Mã số: 785010301

1.2 Tên tiếng Anh:

Land Management

2. Trình độ đào tạo:

Đại học

3. Yêu cầu về kiến thức: Hoàn thành chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý đất đai được thiết kế theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bao gồm:

3.1. Kiến thức giáo dục đại cương

Có hiểu biết về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam và Tư tưởng Hồ Chí Minh; có kiến thức về khoa học cơ bản, đặc biệt là Toán học làm nền tảng cho những kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành sau này; có sức khỏe và những kiến thức cần thiết đáp ứng yêu cầu học tập, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

3.2. Kiến thức cơ sở ngành

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ sở về:

- Kỹ thuật trắc địa – bản đồ trong quản lý đất đai: Trắc địa cơ sở 1; Cơ sở đo ảnh và viễn thám; Cơ sở bản đồ;
- Đo đạc địa chính và hệ thống thông tin đất đai: Địa chính, Đo đạc thành lập bản đồ địa chính, Bản đồ chuyên đề trong quản lý đất đai, Hệ thống thông tin đất đai;
- Chính sách quản lý và sử dụng đất: Chính sách đất đai, Bất động sản; Điều tra đánh giá đất đai và một số kiến thức cơ sở khác.

3.3. Kiến thức chuyên ngành

Trang bị cho sinh viên những kiến thức ngành như :

- Vận dụng được các kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kinh tế và môi trường để nghiên cứu các vấn đề liên quan đến công tác quản lý đất đai.
- Xây dựng bản đồ địa chính, các loại bản đồ chuyên đề khác và hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai.
- Áp dụng các kiến thức chính sách pháp luật, quản lí nhà nước về đất đai vào công tác quản lý và sử dụng đất;
- Vận dụng kiến thức để xây dựng các phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất phục vụ quản lý và sử dụng đất đai;
- Xác định giá đất phục vụ quản lý tài chính về đất đai và kinh doanh bất động sản;
- Đánh giá đất đai và đề xuất sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên đất...

4. Yêu cầu kỹ năng:

4.1. Kỹ năng cứng:

Kỹ năng chuyên nghiệp và phẩm chất cá nhân cần thiết để thành công trong nghề nghiệp:

- Có khả năng thực hiện tốt các kỹ năng về ngành đào tạo;
- Giải quyết các vấn đề về chính sách quản lý, sử dụng đất, kỹ thuật quản lý đất đai và tài chính đất đai trong khối các cơ quan nhà nước, các đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức và doanh nghiệp.
- Lập luận phân tích và giải quyết các vấn đề kỹ thuật;
- Tính năng động, sáng tạo và nghiêm túc;

- Đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp;
- Hiểu biết các vấn đề đương đại và ý thức học suốt đời.

4.2. Kỹ năng mềm:

- Kỹ năng xã hội cần thiết để làm việc hiệu quả trong các nhóm đa ngành;
- Kỹ năng tổ chức, lãnh đạo, làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp;
- Kỹ năng giao tiếp hiệu quả thông qua viết, thuyết trình, thảo luận, đàm phán, làm chủ tình huống, sử dụng hiệu quả các công cụ và phương tiện hiện đại;

- Kỹ năng ngoại ngữ và tin học: Phù hợp với yêu cầu của Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT về khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và truyền thông, cụ thể khi sv tốt nghiệp phải đạt trình độ bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ VN và chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản.

4.3. Kỹ năng chuyên môn:

- Sử dụng thành thạo các loại máy trắc địa, công nghệ chuyên ngành quản lý đất đai để đo đạc, lập bản đồ địa chính và các loại bản đồ chuyên đề;
- Thực hiện thành thạo công tác đăng ký, thống kê đất đai, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, định giá đất và lập các phương án quy hoạch;
- Thực hiện các chính sách pháp luật của nhà nước về lĩnh vực quản lý và sử dụng đất;
- Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học phục vụ công tác quản lý và sử dụng đất;
- Thực hiện đề tài nghiên cứu và viết báo cáo khoa học trong lĩnh vực quản lý đất đai.

5. Yêu cầu về thái độ:

- Có lập trường chính trị, tư tưởng vững vàng, ý thức tổ chức kỷ luật tốt; thực hiện nghiêm chỉnh chính sách pháp luật của Đảng và Nhà nước;
- Thích ứng tốt với tình hình chính trị - an ninh - kinh tế - xã hội trong và ngoài nước;
- Yêu nghề, trung thực, có trách nhiệm trong công việc, có ý thức xây dựng môi trường làm việc thân thiện, tích cực;
- Có ý thức tự học tập, tích lũy kinh nghiệm để nâng cao trình độ trong lĩnh vực quản lý đất đai;

6. Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường

Kỹ sư tốt nghiệp ngành Quản lý đất đai có thể tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các bậc học thuộc các ngành và chuyên ngành sau:

- + Thạc sĩ Quản lý đất đai;
- + Thạc sĩ Quản lý Tài nguyên thiên nhiên;
- + Thạc sĩ Kỹ thuật trắc địa bản đồ, Bản đồ - Viễn thám và GIS;
- + Thạc sĩ Bản Đồ; Địa lý; Địa chính; Kinh tế địa chính; Bất động sản; Môi trường...
- + Tiến sĩ Quản lý đất đai;
- + Tiến sĩ Quản lý Tài nguyên thiên nhiên;
- + Tiến sĩ Kỹ thuật trắc địa bản đồ, Bản đồ - Viễn thám và GIS;
- + Tiến sĩ Địa lý; Khoa học trái đất; Môi trường...

7. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học sau khi tốt nghiệp kỹ sư ngành Quản lý đất đai có thể đảm nhận các vị trí chuyên viên và lãnh đạo tại:

- + Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Bộ Tài chính;
- + Tổng cục Quản lý đất đai, Viện Nghiên cứu Quản lý đất đai, Viện Khoa học Đo đạc và Bản đồ, Viện Quy hoạch thiết kế nông nghiệp, Viện Nông hóa thổ nhưỡng, Hội Trắc địa bản đồ Việt Nam; Hội Khoa học đất; Viện Quy hoạch đô thị và nông thôn...

- + Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Xây dựng các tỉnh thành phố, Sở Tài chính;
- + Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Quản lý đô thị các quận, phòng Tài chính huyện, thị xã;
- + Văn phòng và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các quận, huyện, Thành phố, Thị xã;
- + Trung tâm phát triển Quỹ đất các tỉnh, thành phố, quận, huyện;
- + Cán bộ Địa chính - Xây dựng, Thanh tra xây dựng tại các xã, phường, thị trấn;
- + Tổng công ty Tài nguyên Môi trường, các công ty đo đạc thành lập bản đồ;
- + Trung tâm tư vấn lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng;
- + Trung tâm định giá đất, môi giới nhà đất, sàn giao dịch bất động sản;
- + Các tổ chức tài chính, bảo hiểm, ngân hàng và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý đất đai, bất động sản...
- + Giảng viên ngành Quản lý đất đai, Địa chính tại trường đại học, cao đẳng, trung cấp.

8. Các chương trình tài liệu chuẩn tham khảo

Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý đất đai được tham khảo trên khung chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai của:

[1] Bộ giáo dục và đào tạo “Chương trình khung”.

[2] Học viện Nông nghiệp Việt Nam: “Chương trình đào tạo Quản lý đất đai”

[3] Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội: “Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai” .

[4] Trường Đại học Khoa học Tự nhiên: “Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai”.

[5] Trường Đại học Nông Lâm TP. Hồ Chí Minh “Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo đại học ngành Quản lý đất đai.

9. Các nội dung khác (nếu có)

3	7050601	Bản đồ chuyên đề trong quản lý đất đai	2						x			
4	7050606	Đăng ký thống kê đất	2							x		
5	7050607	Đánh giá đất	2							x		
6	7050612	Đồ án kỹ thuật 1: Đồ án Quy hoạch sử dụng đất	2								x	
7	7050614	Đồ án kỹ thuật 2: Đồ án Đo đạc địa chính	2					x				
8	7050642	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	2							x		
9	B	Tự chọn B	9						x	x	x	
10	C	Tự chọn C	9					x	x	x		

Tự chọn A

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
1	7000003	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2
2	7000005	Tâm lý học đại cương	2
3	7010117	Toán tối ưu	2
4	7010401	Autocad + TH	2
5	7050711	Địa lý kinh tế xã hội	2
6	7070107	Luật Kinh tế	2
7	7070109	Nguyên lý thống kê	2
8	7070443	Thuế	2
9	7080306	Đồ họa máy tính	3

Tự chọn B

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
1	7050603	Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
2	7050615	Giao đất, thu hồi đất	2
3	7050617	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2
4	7050619	Hệ thống thông tin đất đai 2	2
5	7050621	Khoa học quản lý đất đai	2
6	7050628	Quản lý đất đô thị	2
7	7050629	Quản lý tài chính đất đai	2
8	7050630	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn	3
9	7050631	Quy hoạch phát triển nông thôn	3
10	7050635	Quy hoạch vùng	3
11	7050636	Thanh tra đất đai	2
12	7050637	Thị trường bất động sản	2

Tự chọn C

TT	Mã môn học	Tên môn học	Số tín chỉ
1	7040107	Địa chất đại cương	3
2	7050102	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	3
3	7050202	Định vị vệ tinh (GPS) - B	2
4	7050502	Các phương pháp TĐ - BĐ trong quan trắc TN&MT	3
5	7050609	Địa chính đô thị	2
6	7050623	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	3
7	7050626	Phương pháp lập dự án đầu tư	2
8	7050723	Ứng dụng công nghệ 3D GIS trong quản lý hạ tầng đô thị	2
9	7070104	Kinh tế vi mô	3
10	7070105	Kinh tế vĩ mô	3
11	7080118	Thiết kế Website	2
12	7080308	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2
13	7100235	Quy hoạch và thiết kế đô thị	3
14	7110209	Đánh giá tác động môi trường và rủi ro	3
15	7110226	Quản lý tài nguyên khoáng sản	2

Trường Đại Học Mở - Địa chất
Phòng Đào tạo Đại học
-oOo-

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học tín chỉ (4 Năm) (1_4)

Ngành: Quản lí đất đai (7850103)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Ch.Ng	Tên ch/ngành
Học Kỳ Thứ 1						
1	7010114	Toán cao cấp 1	3	45		
2	7010120	Xác suất thống kê	3	45		
3	7010701	Giáo dục thể chất 1	1	15		
4	7020102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	2	30		
5	7020104	Pháp luật đại cương	2	30		
6	7080225	Tin học đại cương + TH (khô kinh tế)	3	45		
Học Kỳ Thứ 2						
1	7010601	Tiếng Anh 1	3	45		
2	7010702	Giáo dục thể chất 2	1	15		
3	7020103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	3	45		
4	7020201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30		
5	7050411	Trắc địa cơ sở 1 + BTL	4	60		
6	7050620	Học phần nhập môn kỹ thuật	3	45		
Học Kỳ Thứ 3						
1	7010602	Tiếng Anh 2	3	45		
2	7010703	Giáo dục thể chất 3	1	15		
3	7050301	Cơ sở đo ảnh và viễn thám	4	60		
4	7050608	Địa chính	4	60		
5	7050634	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội + BTL	3	45		
6	7050707	Cơ sở bản đồ	3	45		
Học Kỳ Thứ 4						
1	7050602	Biên tập bản đồ số	3	45		
2	7050604	Chính sách đất đai	4	60		
3	7050638	Thổ nhưỡng	3	45		
4	7300102	Đường lối quân sự của Đảng	3	45		
5	7050614	Đồ án kỹ thuật 2: Đồ án Đo đạc địa chính	2	30	7850103_01	Quản lí đất đai
Học Kỳ Thứ 5						
1	7050303	Cơ sở hệ thông tin địa lý (GIS)	3	45		
2	7050622	Kinh doanh bất động sản	4	60		
3	7300101	Công tác quốc phòng - an ninh	3	45		
4	7050601	Bản đồ chuyên đề trong quản lý đất đai	2	30	7850103_01	Quản lí đất đai
Học Kỳ Thứ 6						
1	7050610	Định giá bất động sản + BTL	3	45		
2	7050639	Thực tập đo đạc địa chính 1 (4 tuần)	2	30		
3	7300201	Quân sự chung và chiến thuật	5	75		
4	7050606	Đăng ký thống kê đất	2	30	7850103_01	Quản lí đất đai
5	7050607	Đánh giá đất	2	30	7850103_01	Quản lí đất đai
6	7050642	Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chính	2	30	7850103_01	Quản lí đất đai

Kế Hoạch Đào Tạo/Hệ Ngành (CTĐT Chuẩn)

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Bậc hệ: Đại học tín chỉ (4 Năm) (1_4)

Ngành: Quản lí đất đai (7850103)

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC	TS	Ch.Ng	Tên ch/ngành
Học Kỳ Thứ 7						
1	7020301	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45		
2	7050618	Hệ thống thông tin đất đai 1	3	45		
3	7050633	Quy hoạch sử dụng đất + BTL	3	45		
4	7050640	Thực tập xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai	3	45		
5	7050612	Đồ án kỹ thuật 1: Đồ án Quy hoạch sử dụng đất	2	30	7850103_01	Quản lí đất đai
Học Kỳ Thứ 8						
1	7050514	Đồ án tốt nghiệp	8	120	7850103_01	Quản lí đất đai
2	7050519	Thực tập tốt nghiệp	2	30	7850103_01	Quản lí đất đai

Ngày.....tháng.....năm.....

DANH MỤC MÔN HỌC TỰ CHỌN NGÀNH QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI (7850103)

Tiêu chuẩn A7850103_1

Số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 6 tín chỉ

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC
Môn học theo chương trình			
1	7000003	Kỹ năng soạn thảo văn bản quản lý hành chính	2
2	7000005	Tâm lý học đại cương	2
3	7010117	Toán tối ưu	2
4	7010401	Autocad + TH	2
5	7050711	Địa lý kinh tế xã hội	2
6	7070107	Luật Kinh tế	2
7	7070109	Nguyên lý thống kê	2
8	7070443	Thuế	2
9	7080306	Đồ họa máy tính	3
<i>Cộng</i>			<i>19</i>

Tiêu chuẩn B7850103_1

Số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 9 tín chỉ

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC
Môn học theo chương trình			
1	7050603	Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
2	7050615	Giao đất, thu hồi đất	2
3	7050617	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định trong quản lý đất đai	2
4	7050619	Hệ thống thông tin đất đai 2	2
5	7050621	Khoa học quản lý đất đai	2
6	7050628	Quản lý đất đô thị	2
7	7050629	Quản lý tài chính đất đai	2
8	7050630	Quy hoạch đô thị và khu dân cư nông thôn	3
9	7050631	Quy hoạch phát triển nông thôn	3
10	7050635	Quy hoạch vùng	3
11	7050636	Thanh tra đất đai	2
12	7050637	Thị trường bất động sản	2
<i>Cộng</i>			<i>27</i>

Tiêu chuẩn C7850103_1

Số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 9 tín chỉ

STT	Mã MH	Tên môn học	Số TC
Môn học theo chương trình			
1	7040107	Địa chất đại cương	3
2	7050102	Cơ sở trắc địa công trình + BTL	3
3	7050202	Định vị vệ tinh (GPS) - B	2
4	7050502	Các phương pháp TD - BD trong quan trắc TN&MT	3
5	7050609	Địa chính đô thị	2
6	7050623	Kỹ thuật lập trình trong trắc địa	3
7	7050626	Phương pháp lập dự án đầu tư	2

8	7050723	Ứng dụng công nghệ 3D GIS trong quản lý hạ tầng đô thị	2
9	7070104	Kinh tế vi mô	3
10	7070105	Kinh tế vi mô	3
11	7080118	Thiết kế Website	2
12	7080308	Hệ quản trị nội dung mã nguồn mở	2
13	7100235	Quy hoạch và thiết kế đô thị	3
14	7110209	Đánh giá tác động môi trường và rủi ro	3
15	7110226	Quản lý tài nguyên khoáng sản	2
<i>Cộng</i>			<i>38</i>